

# TÌM HIỂU

## LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT NĂM 2015, LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2020

**1. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày, tháng, năm nào; quy định về vấn đề gì? Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 là hợp nhất của các văn bản nào?**

**Trả lời:**

Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 (sau đây gọi là Luật năm 2015) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-7-2016. Luật năm 2015 quy định về nguyên tắc xây dựng và ban hành văn bản QPPL, việc tham gia góp ý kiến xây dựng đối với văn bản QPPL, những hành vi nghiêm cấm trong xây dựng và ban hành văn bản QPPL; thẩm quyền ban hành, nội dung văn bản QPPL; quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL; hiệu lực, nguyên tắc áp dụng, công khai văn bản QPPL; giám sát, kiểm tra, xử lý văn bản QPPL; hợp nhất, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; pháp điển hệ thống QPPL; giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh và các điều khoản thi hành.

Luật năm 2015 được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển hai luật, đó là Luật ban hành văn bản QPPL năm 2008 (sau đây gọi là Luật năm 2008) và Luật ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND năm 2004 (sau đây gọi là Luật năm 2004) áp dụng thống nhất cho việc xây dựng, ban hành văn bản QPPL từ Trung ương đến địa phương.

**2. Khi xây dựng và ban hành văn bản QPPL phải tuân thủ những nguyên tắc nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 5 Luật năm 2015, có 06 nguyên tắc khi xây dựng và ban hành văn bản QPPL là:

- Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản QPPL trong hệ thống pháp luật.
- Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản QPPL.
- Bảo đảm tính minh bạch trong quy định của văn bản QPPL.
- Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện của văn bản QPPL; bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong văn bản QPPL; bảo đảm yêu cầu cải cách thủ tục hành chính.
- Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL.

### **3. Theo quy định của Luật năm 2015 thì hệ thống văn bản QPPL ở nước ta gồm những hình thức nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 4 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020, hệ thống văn bản QPPL gồm:

- Hiến pháp.
- Bộ luật, luật (sau đây gọi chung là luật), nghị quyết của Quốc hội.
- Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.
- Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước.
- Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Không ban hành thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
- Nghị quyết của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).
- Quyết định của UBND cấp tỉnh.
- Văn bản QPPL của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.
- Nghị quyết của HĐND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện).
- Quyết định của UBND cấp huyện.
- Nghị quyết của HĐND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).
- Quyết định của UBND cấp xã.

### **4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành văn bản QPPL được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 7 Luật năm 2015 đã bổ sung một nội dung mới quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành văn bản QPPL, cụ thể như sau:

- Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự án, dự thảo văn bản QPPL chịu trách nhiệm về tiến độ trình và chất lượng dự án, dự thảo văn bản do mình trình.

- Cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản QPPL chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình hoặc cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền ban hành văn bản về tiến độ soạn thảo, chất lượng dự án, dự thảo văn bản được phân công soạn thảo.

- Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền được đề nghị tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản QPPL, dự thảo văn bản QPPL chịu trách nhiệm về nội dung và thời hạn tham gia góp ý kiến.

- Cơ quan thẩm định chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình hoặc cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL về kết quả thẩm định đề nghị xây dựng văn bản QPPL, dự án, dự thảo văn bản QPPL ; cơ quan thẩm tra chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL về kết quả thẩm tra dự án, dự thảo văn bản QPPL.

- Quốc hội, Hội đồng nhân dân và cơ quan khác, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật chịu trách nhiệm về chất lượng văn bản do mình ban hành.

- Cơ quan, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm về việc chậm ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

- Cơ quan, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc ban hành văn bản quy định chi tiết có nội dung ngoài phạm vi được giao quy định chi tiết.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm định, cơ quan trình, cơ quan thẩm tra và cơ quan ban hành văn bản QPPL trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải chịu trách nhiệm về việc không hoàn thành nhiệm vụ và tùy theo mức độ mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và quy định khác của pháp luật có liên quan trong trường hợp dự thảo văn bản không bảo đảm về chất lượng, chậm tiến độ, không bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản QPPL được phân công thực hiện.

## **5. Những hành vi nào bị cấm trong xây dựng và ban hành văn bản QPPL?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 14 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong xây dựng và ban hành văn bản QPPL, bao gồm: ban hành văn bản QPPL trái với Hiến pháp, trái với văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên; ban hành văn bản không thuộc hệ thống văn bản QPPL nhưng có chứa QPPL; ban hành văn bản QPPL không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục; Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

## **6. Quốc hội ban hành luật để quy định những vấn đề gì?**

### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 15 Luật năm 2015, Quốc hội ban hành luật để quy định những vấn đề sau:

- Tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;

- Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân mà theo Hiến pháp phải do luật định; việc hạn chế quyền con người, quyền công dân; tội phạm và hình phạt;

- Chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia, ngân sách nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế;

- Chính sách cơ bản về văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường;

- Quốc phòng, an ninh quốc gia;

- Chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước;

- Hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân; hàm, cấp ngoại giao; hàm, cấp nhà nước khác; huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước;

- Chính sách cơ bản về đối ngoại;

- Trưng cầu ý dân;

- Cơ chế bảo vệ Hiến pháp;

- Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

## **7. Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định về những vấn đề gì?**

### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 27 của Luật năm 2015. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định những vấn đề sau đây:

- Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên;
- Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên;
- Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;
- Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **8. UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định để quy định những vấn đề gì?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 28 Luật năm 2015, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định những vấn đề sau:

- Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên;
- Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;
- Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương

### **9. HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã được ban hành văn bản QPPL để quy định những vấn đề gì?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 30 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định.

- Hội đồng nhân dân cấp huyện ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định để quy định những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc để thực hiện việc phân cấp cho chính quyền địa phương, cơ quan nhà nước cấp dưới theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương.

- Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định để quy định những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao.

### **10. Theo Luật năm 2015 thì Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được xây dựng hằng năm hay theo nhiệm kỳ Quốc hội?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 31 Luật năm 2015 thì Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được xây dựng hằng năm trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Như vậy, so với Luật năm 2008 thì Luật năm 2015 đã bỏ quy định về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ

Quốc hội và chỉ giữ lại quy định về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm.

**11. Việc lấy ý kiến đối với dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết được quy định như thế nào trong Luật năm 2015 ?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 57 Luật năm 2015 quy định việc lấy ý kiến đối với dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết (Dự thảo nghị quyết của các cơ quan có thẩm quyền ban hành ở Trung ương) như sau:

- Trong quá trình soạn thảo văn bản, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và cơ quan, tổ chức có liên quan; nêu những vấn đề cần xin ý kiến phù hợp với từng đối tượng lấy ý kiến và xác định cụ thể địa chỉ tiếp nhận ý kiến; đăng tải toàn văn dự thảo văn bản và tờ trình trên cổng thông tin điện tử và của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo trong thời gian ít nhất là 60 ngày, trừ những văn bản được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến. Trong thời gian dự thảo đang được lấy ý kiến, nếu cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại dự thảo văn bản mà khác với dự thảo đã đăng tải trước đó thì phải đăng lại dự thảo văn bản đã được chỉnh lý.

- Đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.

- Ngoài đăng tải để lấy ý kiến theo quy định trên đây, việc lấy ý kiến có thể thông qua hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo, tọa đàm, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý và đăng tải nội dung giải trình, tiếp thu trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức mình để Nhân dân biết.

- Đối với dự án, dự thảo do đại biểu Quốc hội soạn thảo, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Viện nghiên cứu lập pháp có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến theo quy định nêu trên.

**12. Trong Luật năm 2015 thì Danh mục văn bản quy định chi tiết do Thủ tướng Chính phủ ban hành gồm những văn bản nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 82 Luật năm 2015 thì danh mục văn bản quy định chi tiết do Thủ tướng Chính phủ ban hành bao gồm: nghị định của Chính phủ, nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, trong đó nêu rõ tên văn bản, cơ quan ban hành văn bản, căn cứ ban hành, nội dung chính của văn bản, dự kiến thời gian ban hành.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước mà Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được giao ban hành

**13. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc triển khai xây dựng văn bản quy định chi tiết được Luật năm 2015 quy định ra sao?**

**Trả lời:**

Việc triển khai xây dựng văn bản quy định chi tiết được quy định như sau:

- Bộ Tư pháp theo dõi, đôn đốc việc ban hành văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; định kỳ hằng quý và hằng năm báo cáo Chính phủ.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước trong danh mục văn bản quy định chi tiết; định kỳ hằng quý và hằng năm báo cáo tiến độ, tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết với Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp báo cáo Chính phủ.

**14. Thẩm quyền đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh được quy định như thế nào trong Luật năm 2015?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 111 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, tự mình hoặc theo đề xuất của cơ quan, tổ chức, đại biểu Hội đồng nhân dân, có trách nhiệm đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân để xem xét, quyết định.

- Đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nội dung quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này thì trước khi trình Thường trực Hội đồng nhân dân phải thực hiện theo quy định từ Điều 112 đến Điều 116 của Luật này.

**15. Luật năm 2015 quy định như thế nào về nhiệm vụ của cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 112 Luật năm 2015 thì nhiệm vụ của cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết là:

- Tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá các văn bản QPPL hiện hành có liên quan đến đề nghị xây dựng nghị quyết; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự thảo nghị quyết.

Trong trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản QPPL thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung của dự thảo.

- Tổ chức nghiên cứu thông tin, tư liệu, điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến dự thảo nghị quyết.

- Xây dựng nội dung của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết; đánh giá tác động của chính sách; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết sau khi được HĐND thông qua.

- Chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại Điều 114 của Luật năm 2015.

- Tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan về đề nghị xây dựng nghị quyết; tổng hợp, nghiên cứu, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý.

Như vậy so với Luật năm 2008 và Luật năm 2004 thì Luật năm 2015 đã tách bạch quy trình xây dựng chính sách với quy trình soạn thảo nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, theo đó, việc xây dựng chính sách phải được thông qua, phê duyệt trước khi bắt đầu soạn thảo nghị quyết.

## **16. Luật năm 2015 quy định như thế nào về trách nhiệm của các cơ quan đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc lấy ý kiến đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh?**

### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 113 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định trách nhiệm của các cơ quan đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc lấy ý kiến đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh như sau:

- Cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết và các cơ quan, tổ chức có liên quan; nêu những vấn đề cần xin ý kiến phù hợp với từng đối tượng lấy ý kiến và xác định cụ thể địa chỉ tiếp nhận ý kiến; đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến. Ngoài đăng tải để lấy ý kiến theo quy định nêu ở trên, việc lấy ý kiến có thể bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

- Khi lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 10 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý kiến vào dự thảo nghị quyết.



Trong trường hợp cần thiết, cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết tổ chức đối thoại trực tiếp về chính sách với các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết.

- Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.

### **17. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh phải chuẩn bị hồ sơ như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 114 Luật năm 2015 thì cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh phải chuẩn bị hồ sơ sau:

- Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ sự cần thiết ban hành nghị quyết; mục đích, quan điểm xây dựng nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của nghị quyết; mục tiêu, nội dung chính sách trong dự thảo nghị quyết và các giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn; thời gian dự kiến đề nghị HĐND xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết.

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ vấn đề cần giải quyết; mục tiêu ban hành chính sách; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do lựa chọn; xác định vấn đề giới và tác động giới của chính sách.

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý.

- Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết.

- Tài liệu khác (nếu có).

### **18. Việc thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết do UBND cấp tỉnh trình được quy định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 115 Luật năm 2015 thì việc thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết do UBND cấp tỉnh trình được quy định như sau:

- Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, tổ chức có liên quan thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết.

- Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết gửi để thẩm định quy định tại Điều 114 Luật năm 2015.

- Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

- Báo cáo thẩm định phải thể hiện rõ ý kiến của Sở Tư pháp về nội dung thẩm định nêu ở trên và về đề nghị xây dựng nghị quyết đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Báo cáo thẩm định phải được gửi đến cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc thẩm định. Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý đề nghị xây dựng nghị quyết và đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo đề nghị xây dựng nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND cấp tỉnh dự thảo nghị quyết.

### **19. Việc thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết được quy định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 116 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định:

- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình thì Ủy ban nhân dân có trách nhiệm xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để thông qua các chính sách trong từng đề nghị xây dựng nghị quyết.

- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết do cơ quan, tổ chức khác quy định tại Điều 111 của Luật năm 2015 đề nghị thì cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm thông qua các chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết.

### **20. Nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo nghị quyết của HĐND tỉnh được quy định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 119 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 thì cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo nghị quyết có nhiệm vụ:

- Tổ chức xây dựng dự thảo nghị quyết. Đối với nghị quyết quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này thì phải bảo đảm phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật đã giao quy định chi tiết; đối với nghị quyết quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này thì phải bảo đảm thống nhất với các chính sách đã được thông qua. Đánh giá tác động của chính sách đối với dự thảo nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật này.

- Tổ chức lấy ý kiến, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo; xây dựng tờ trình, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về dự thảo và các tài liệu khác; đăng tải các tài liệu này trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

### **21. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 120 Luật năm 2015 thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh có trách nhiệm:

- Đăng tải toàn văn dự thảo nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản.

- Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản.

## **22. Việc thẩm định dự thảo nghị quyết HĐND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình được quy định như thế nào?**

### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 121 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 thì dự thảo nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cùng cấp trình phải được Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình UBND.

- Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo những vấn đề thuộc nội dung của dự thảo nghị quyết; tự mình hoặc cùng cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức khảo sát về những vấn đề thuộc nội dung của dự thảo nghị quyết. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm định dự thảo nghị quyết.

- Đối với dự thảo nghị quyết liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo thì Giám đốc Sở Tư pháp thành lập hội đồng tư vấn thẩm định, bao gồm đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học.

- Chậm nhất là 25 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Sở Tư pháp để thẩm định.

## **23. Hồ sơ thẩm định dự thảo nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình gồm những gì?**

### **Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 121 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 thì hồ sơ gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định phải có:

- Tờ trình UBND về dự thảo nghị quyết;

- Dự thảo nghị quyết;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật này;

- Tài liệu khác (nếu có).

Tờ trình UBND về dự thảo nghị quyết và dự thảo nghị quyết được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

#### **24. Nội dung thẩm định Dự thảo nghị quyết của HĐND cấp tỉnh gồm những gì?**

##### **Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 121 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 thì nội dung thẩm định bao gồm:

- Sự cần thiết ban hành nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh đối với dự thảo nghị quyết.

- Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật.

- Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với văn bản đã giao cho HĐND quy định chi tiết; sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết đã được thông qua.

- Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản.

#### **25. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản sau khi nhận được Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với Dự thảo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh?**

##### **Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 thì Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND dự thảo nghị quyết.

#### **26. Khi trình UBND cấp tỉnh dự thảo nghị quyết thì cơ quan soạn thảo văn bản phải gửi hồ sơ gồm những tài liệu gì?**

##### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 122 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 thì hồ sơ dự thảo nghị quyết trình UBND cấp tỉnh, bao gồm:

- Tờ trình UBND cấp tỉnh về dự thảo nghị quyết;

- Dự thảo nghị quyết;

- Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết;

- Tài liệu khác (nếu có).

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến UBND để chuyển đến các thành viên UBND chậm nhất là 3 ngày làm việc trước ngày UBND họp.

**27. Luật năm 2015 quy định trình tự xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết của HĐND cấp tỉnh như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 126 Luật năm 2015 thì trình tự xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết của HĐND cấp tỉnh được tiến hành theo trình tự như sau:

- Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết thuyết trình dự thảo nghị quyết;

- Đại diện Ban của HĐND được phân công thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;

- Hội đồng nhân dân thảo luận;

- Thường trực HĐND cấp tỉnh chỉ đạo Ban của HĐND được phân công thẩm tra chủ trì, phối hợp cơ quan, tổ chức trình, Sở Tư pháp giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết;

- Hội đồng nhân dân thảo luận và biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

Dự thảo nghị quyết được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu HĐND biểu quyết tán thành.

- Chủ tịch HĐND ký chứng thực nghị quyết.

**28. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nào có quyền đề nghị xây dựng quyết định của UBND cấp tỉnh?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 127 Luật năm 2015 thì cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm đề nghị xây dựng quyết định của UBND cấp tỉnh.

**29. Đề nghị xây dựng quyết định của UBND cấp tỉnh phải có những nội dung gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 127 Luật năm 2015 thì đề nghị xây dựng quyết định phải nêu rõ tên gọi, sự cần thiết ban hành, đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của quyết định, dự kiến thời gian ban hành, cơ quan chủ trì soạn thảo. Đối với quyết định quy định những vấn đề được giao quy định chi tiết, cơ quan đề xuất phải rà soát văn bản QPPL do cơ quan nhà nước trung ương và nghị quyết của HĐND cùng cấp để xác định rõ nội dung, phạm vi giao quy định cụ thể.

**30. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định của UBND cấp tỉnh được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 128 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 thì cơ quan chủ trì soạn thảo có các nhiệm vụ sau đây:

- Khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội ở địa phương; nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, văn bản của cơ quan

nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp và tài liệu có liên quan đến dự thảo quyết định;

- Xây dựng dự thảo và tờ trình dự thảo quyết định;
- Đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao quy định thủ tục hành chính; đánh giá tác động về giới (nếu có);
- Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu ý kiến, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo quyết định.

### **31. Việc lấy ý kiến góp ý, thẩm định đối với dự thảo quyết định của UBND cấp tỉnh quy định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 129, 130 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định:

- Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định tại Điều 120.

- Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo quyết định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo những vấn đề thuộc nội dung của dự thảo quyết định; tự mình hoặc cùng cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức khảo sát về những vấn đề thuộc nội dung của dự thảo quyết định. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm định dự thảo quyết định.

Đối với dự thảo quyết định liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo thì Giám đốc Sở Tư pháp thành lập hội đồng thẩm định, bao gồm đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học.

Chậm nhất là 25 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Sở Tư pháp để thẩm định.

### **32. Trình tự xem xét, thông qua dự thảo quyết định của UBND cấp tỉnh được quy định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 132 Luật năm 2015 quy định:

- Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định phương thức xem xét, thông qua dự thảo quyết định. Trong trường hợp dự thảo quyết định được xem xét, thông qua tại phiên họp của UBND cấp tỉnh thì theo trình tự sau đây:

- + Đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết trình dự thảo quyết định;
- + Đại diện Sở Tư pháp phát biểu về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- + Đại diện Văn phòng UBND cấp tỉnh trình bày ý kiến;

- + UBND cấp tỉnh thảo luận và biểu quyết thông qua dự thảo quyết định.
- Dự thảo quyết định được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên UBND cấp tỉnh biểu quyết tán thành.
- Chủ tịch UBND cấp tỉnh ký quyết định.

**33. Việc lấy ý kiến góp ý đối với nghị quyết của HĐND cấp huyện được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Luật năm 2015 quy định:

- Căn cứ vào tính chất và nội dung của dự thảo nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết.

Cơ quan, tổ chức có liên quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo nghị quyết.

Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì cơ quan, tổ chức lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến, địa chỉ tiếp nhận ý kiến và bảo đảm ít nhất là 7 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo nghị quyết.

**34. Thẩm định dự thảo nghị quyết của HĐND cấp huyện được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 134 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định:

- Phòng Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Chậm nhất là 20 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện đến Phòng Tư pháp để thẩm định.

- Thời hạn, hồ sơ, nội dung thẩm định và báo cáo thẩm định thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 121 của Luật năm 2015.

**35. Việc tổ chức soạn thảo quyết định của UBND cấp huyện được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 138 Luật năm 2015 thì việc soạn thảo quyết định của UBND cấp huyện được quy định như sau:

- Dự thảo quyết định của UBND cấp huyện do Chủ tịch UBND phân công và trực tiếp chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc UBND soạn thảo. Cơ quan soạn thảo có trách nhiệm xây dựng dự thảo và tờ trình dự thảo quyết định.

- Căn cứ vào tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, cơ quan soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quyết định.

- Cơ quan, tổ chức có liên quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo quyết định.

- Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quyết định thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 07 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo quyết định.

### **36. Việc thẩm định dự thảo quyết định của UBND cấp huyện được quy định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 134 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 thì việc thẩm định dự thảo quyết định của UBND cấp huyện được quy định như sau:

- Phòng Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo quyết định của UBND cấp huyện trước khi trình.

- Chậm nhất là 20 ngày trước ngày UBND họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Phòng Tư pháp để thẩm định.

- Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm:

+ Tờ trình Ủy ban nhân dân về dự thảo quyết định;

+ Dự thảo quyết định;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý;

+ Tài liệu khác (nếu có).

- Nội dung thẩm định bao gồm:

+ Sự cần thiết ban hành quyết định; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo quyết định;

+ Sự phù hợp của nội dung dự thảo quyết định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo quyết định với hệ thống pháp luật;

+ Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo quyết định, nếu trong dự thảo quyết định có quy định thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo quyết định, nếu trong dự thảo quyết định có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;

+ Nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành quyết định;

+ Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản.



- Báo cáo thẩm định phải thể hiện rõ ý kiến của cơ quan thẩm định về nội dung thẩm định quy định tại khoản 3 Điều này và ý kiến về việc dự thảo quyết định đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân.

Báo cáo thẩm định phải được gửi đến cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Phòng Tư pháp nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

### **37. Việc soạn thảo nghị quyết của HĐND cấp xã quy định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 142 Luật năm 2015 thì việc soạn thảo nghị quyết của HĐND cấp xã quy định như sau:

- Dự thảo nghị quyết của HĐND cấp xã do UBND cùng cấp tổ chức soạn thảo và trình HĐND.

- Căn cứ vào tính chất và nội dung của dự thảo nghị quyết, Chủ tịch UBND tổ chức việc lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, của Nhân dân tại các thôn, làng, buôn, ấp, bản, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố về dự thảo nghị quyết bằng các hình thức thích hợp.

### **38. Việc soạn thảo quyết định của UBND cấp xã được quy định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 144 Luật năm 2015 thì việc soạn thảo quyết định của UBND cấp xã được quy định như sau:

- Dự thảo quyết định của UBND cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức, chỉ đạo việc soạn thảo.

- Căn cứ vào tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức việc lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, của Nhân dân tại các thôn, làng, buôn, ấp, bản, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố và chỉnh lý dự thảo quyết định.

### **39. Trong trường hợp nào thì cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan được xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 146 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 thì việc xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn trong các trường hợp sau:

- Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

- Trường hợp cần ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; trường hợp cần ban hành ngay văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Trường hợp cần bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

- Trường hợp cần kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật trong một thời hạn nhất định để giải quyết những vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn.

**40. Ở địa phương thì việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành văn bản QPPL được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Luật năm 2015 thì Thường trực HĐND cấp tỉnh quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị quyết của HĐND cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành quyết định của UBND cấp tỉnh.

**41. Việc đăng công báo đối với văn bản QPPL ở địa phương được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 150 Luật năm 2015 quy định

- Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt phải được đăng Công báo cấp tỉnh.

- Văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã phải được niêm yết công khai và phải được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương. Thời gian và địa điểm niêm yết công khai do Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định.

- Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải gửi văn bản đến cơ quan Công báo để đăng Công báo hoặc niêm yết công khai. Cơ quan Công báo có trách nhiệm đăng toàn văn văn bản quy phạm pháp luật trên Công báo chậm nhất là 07 ngày đối với văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành kể từ ngày nhận được văn bản.

- Văn bản quy phạm pháp luật đăng trên Công báo in và Công báo điện tử là văn bản chính thức và có giá trị như văn bản gốc.

**42. Thời điểm có hiệu lực đối với văn bản QPPL của HĐND, UBND quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 151 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định:

- Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp tỉnh; không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã.

- Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, đồng thời phải được đăng ngay trên cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; đăng Công báo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp tỉnh.

**43. Theo Luật năm 2015 thì có được quy định hiệu lực trở về trước đối với văn bản QPPL của HĐND, UBND không?**

**Trả lời:** Theo quy định tại Điều 152 Luật năm 2015 quy định: Văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt không được quy định hiệu lực trở về trước.

**44. Luật năm 2015 quy định như thế nào về việc đăng tải và đưa tin văn bản QPPL?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 157 Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định:

- Văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng tải toàn văn trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành đối với văn bản của cơ quan nhà nước ở trung ương; chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

- Văn bản quy phạm pháp luật đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật có giá trị sử dụng chính thức.

**45. Việc kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật đối với văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 167 Luật năm 2015 thì HĐND và UBND kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật như sau:

- HĐND, UBND các cấp có trách nhiệm tự kiểm tra văn bản QPPL do mình ban hành; HĐND, UBND cấp trên kiểm tra văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp dưới ban hành.

- Khi phát hiện văn bản QPPL do mình ban hành trái pháp luật thì HĐND, UBND có trách nhiệm tự mình bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản.

- Chủ tịch UBND cấp tỉnh tổ chức kiểm tra văn bản QPPL do HĐND và UBND cấp huyện ban hành.

- Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức kiểm tra văn bản QPPL do HĐND và UBND cấp xã ban hành.

- Chủ tịch UBND cấp tỉnh đình chỉ việc thi hành nghị quyết trái pháp luật của HĐND cấp huyện và đề nghị HĐND cấp tỉnh bãi bỏ.

- Chủ tịch UBND cấp huyện đình chỉ việc thi hành nghị quyết trái pháp luật của HĐND cấp xã và đề nghị HĐND cấp huyện bãi bỏ.

- Chủ tịch UBND cấp trên trực tiếp đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản QPPL trái pháp luật của UBND cấp dưới.

**46. Hoạt động rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 170 Luật năm 2015 thì việc rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL được quy định như sau:

- Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản QPPL; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì tự mình hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản QPPL.

- Cơ quan, tổ chức và công dân có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản QPPL.

- Hoạt động rà soát văn bản phải được tiến hành thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát văn bản. Hoạt động hệ thống hóa văn bản phải được tiến hành định kỳ, kịp thời công bố Tập hệ thống hóa văn bản QPPL còn hiệu lực.

- Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; các cơ quan nhà nước quyết định rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước.